

Số: /TTYT-KD

Lạng Giang, ngày 05 tháng 12 năm 2025

V/v yêu cầu báo giá hoá chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn năm 2026 của Trung tâm Y tế Lạng Giang .

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ danh mục dự trù của Khoa Xét nghiệm, Biên bản Hội đồng khoa học Đơn vị ngày 03/12/2025 về việc thống nhất danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật của hoá chất đề nghị mua sắm phục vụ công tác chuyên môn của Trung tâm Y tế Lạng Giang;

Trung tâm Y tế Lạng Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán gói thầu: “Mua sắm hoá chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn năm 2026 của Trung tâm Y tế Lạng Giang” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Lạng Giang

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Hà Văn Vỹ

- Chức vụ: Phó trưởng Khoa Dược-vật tư, thiết bị y tế.

- Số điện thoại: 0919 141 668

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư hoặc Khoa Dược-vật tư, thiết bị y tế thuộc Trung tâm Y tế Lạng Giang; Thôn Nguyễn, Xã Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh;

- Nhận qua email: Havybvlg@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 05 tháng 12 năm 2025 đến trước 15h ngày 16 tháng 12 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 100 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Hoá chất xét nghiệm đề nghị báo giá như sau:

1.1. Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy Sinh hóa tự động AU480

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Dải tuyến tính: 0.12 - 6.00 g/dL Phương pháp: BCG Thành phần: Succinic acid; Bromocresol Green Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	174
2	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ men gan ALT	Dải tuyến tính: 8 - 800 U/L Phương pháp IFCC Thành phần: R1: Tris buffer (pH 7,4); D-LDH ; L-Alanine. R2: NADH ; α -Ketoglutarate. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	6.250
3	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ Amylase	Dải đo: Serum: 3.1 - 2000 IU/L, Urine: 1.6 - 4000 IU/L Phương pháp: IFCC Thành phần : R1: PIPES, pH 7,0; MgCL ₂ ; Glucosidase R2: EPS. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	480
4	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ men gan AST	Dải tuyến tính: 6 - 800 U/L Phương pháp: IFCC Thành phần: R1: Tris buffer (pH 7,8); MDH; D-LDH; L-aspartate. R2: NADH; α -ketoglutarate. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	6.250
5	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcium	Dải đo: Serum: 0,01 - 15 mg/dL, Urine: 0,08 - 35 mg/dL Phương pháp: Arsenazo III colorimetric Thành phần: MES buffer (pH 6.5); Arsenazo III, Non-reactive ingredients, preservative Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	180
6	Hóa chất xét nghiệm định lượng cholesterol	Dải đo: 8.1 - 700 mg/dL Phương pháp: CHOD-PAD Thành phần: 4-Chlorophenol; 4-Aminoantipyrine ; Cholesterol esterase (CHE); Cholesterol oxidase (CHOD); Peroxidase (POD). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	1.000
7	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ Creatinine kinase-MB	Dải tuyến tính lên đến: 2.000U/L Phương pháp: enzymatic immunoinhibition Thành phần : R1: Imidazole buffer (pH 6.7), Hexokinase,	ml	240

		NADP+, G6PDH, ADP, Magnesium Acetate, AMP. R2: Diadenosine pentaphosphate, EDTA, D-Glucose, Creatine Phosphate, N-Acetyl Cysteine, Anti-CK-M antibody. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		
8	Bộ hiệu chuẩn xét nghiệm CK - MB (Calibrator)	Thành phần: Chế phẩm đông khô dựa trên huyết thanh người, chứa CK-MB người trong dung dịch đệm. chất bảo quản Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	15
9	Bộ chất kiểm chuẩn mức 1&2 cho xét nghiệm CK-MB (QC)	Thành phần: Chế phẩm đông khô dựa trên huyết thanh người, chứa CK-MB của người trong dung dịch đệm với chất ổn định và chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	15
10	Bộ thuốc thử định lượng Creatinine	Dải đo: Serum: 0.03 - 25 mg/dL Urine: 0.1 - 370 mg/dL Phương pháp: Jaffe Thành phần: R1: NaOH; Detergent. R2: Picric acid Solution. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	3.780
11	Bộ thuốc thử định lượng CRP Latex	Độ tuyến tính : 0.12-160 mg/L Phương pháp : Immunoturbidimetric Thành phần : R1: Tris buffer pH 7.4 R2: Monoclonal anti-human CRP protein antibodies bound on latex particles. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	1.440
12	Bộ chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP	Thành phần: Huyết tương người và dịch màng phổi dạng lỏng, không tan máu, được lọc và điều chỉnh bằng chất ổn định và chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	10
13	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Dải đo: 0.02 - 30 mg/dL. Phương pháp: DPD Thành phần: R1: DPD RB: HCl Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	1.470
14	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Dải tuyến tính: 0.04 - 10 mg/dL. Phương pháp: DPD Thành phần: R1: DPD; HCl RB: HCl Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	1.470
15	Hóa chất xét nghiệm hoạt độ Gamma – Glutamyl Transferase (GGT)	Dải đo: 2,5 - 1000 U/L Phương pháp: IFCC enzymatic colorimetric Thành phần: R1: Tris buffer (pH 8,2), Glycyl-Glycine R2: Tris buffer (pH 8,2), GLUPA-C	ml	960

		Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		
16	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trong máu	<p>Dải đo: Serum: 0.4 - 550 mg/dL, Urine: 0.08 - 800 mg/dL, CSF: 0.8 - 400 mg/dL. Phương pháp: Enzyme hexokinase Thành phần: R1: Tris base, pH 7,8; MgSO₄; NAD; ATP. R2: Tris Base; MgSO₄; Hexokinase, G6PDH. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	8.400
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	<p>Dải tuyến tính: 0.00 - 180 mg/dL Phương pháp: immunoinhibition Thành phần: Anti-human-β-Lipoprotein antibody; Cholesterol Esterase; Cholesterol Oxidase; Peroxidase; Ascorbate Oxidase Good's buffer pH=7.0; N-Ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3.5-dimethoxy-4-fluoroaniline (F-DAOS); 4-aminoantipyrine. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	4.320
18	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol	<p>Dải tuyến tính: 0.08 - 300.0 mg/dL. Phương pháp: immunosuppression Thành phần: Good's Buffer (pH 6,8); 4-AMP; Cholesterol Oxidase (CHO); Cholesterol Esterase (CHE); Peroxidase (POD); Catalase. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	4.320
19	Chất chuẩn chung cho các xét nghiệm sinh hóa	<p>Thành phần: Huyết thanh người đông khô gồm các chất phân tích: Alkaline Phosphatase, Alanine Aminotransferase, Aspartate Aminotransferase, Albumin, Amylase, Inorganic Phosphorus, Calcium, Creatinine, Lactate Dehydrogenase, G-Glutamate Transpeptidase, Creatine Kinase, Lactate, Magnesium, Total Protein, Urea, Uric Acid, Glucose, Iron, Triglycerides, Direct Bilirubin, Total Bilirubin, Cholesterol, Cholinesterase, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	100
20	Chất kiểm tra chung mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa	<p>Thành phần: Huyết thanh người đông khô. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	100
21	Chất kiểm tra chung mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa	<p>Thành phần: Huyết thanh người đông khô. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	100

22	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần	Dải đo: 0.10 - 12g/dL. Phương pháp: Biuret reaction Thành phần: R1: Potassium Sodium Tartrate R2: Potassium Sodium Tartrate, Potassium Iodide; Copper (II) Sulfate Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	400
23	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	Dải đo: 10.9- 1300 mg/dL Phương pháp: enzymatic GPO-POD Thành phần: R1: Pipes buffer (pH: 6.8); Peroxidase; Glycerokinase; Lipoprotein Lipase; ATP; TOOS R2: 4- Aminoantipyrine, GPO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	4.500
24	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Dải đo: Serum: 1.8 - 300 mg/dL, Urine: 7.1 - 4000 mg/dL Phương pháp: Đo màu bằng Enzym Thành phần: R1: Tris base (pH 7,4); α -Ketoglutaric acid; GLDH; Urease R2: Tris base (pH 8,4); NADH Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	7.200
25	Hóa chất xét nghiệm định lượng acid uric	Dải tuyến tính: Serum: 0,5 - 30 mg/dL, Urine: 0,4 - 550 mg/dL Phương pháp: Uricase Thành phần: R1: 4-aminoantipyrine; Peroxidase; R2: Uricase Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	3.200
26	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa Thành phần: 2% Sodium Hydroxide, chất hoạt động bề mặt và chất bảo quản	ml	150.000
	Tổng số: 26 khoản			

3. Địa điểm cung cấp: Hàng hóa được vận chuyển, bàn giao, nghiệm thu tại Kho của Trung tâm Y tế Lạng Giang – Thôn Nguyễn, xã Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Việc thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần khi hoàn thành việc giao hàng từng lần theo dự trù của Chủ đầu tư.

- Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 90 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.

6. Các thông tin khác:

- Tài liệu có liên quan về hàng hóa báo giá (nếu có) gồm:

+ Sổ lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu phù hợp với trang thiết bị y tế báo giá theo quy định của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

+ Thông tin kê khai giá hoặc niêm yết giá và đường Link tra cứu (nếu có);

+ Hợp đồng cung cấp hàng hóa chào giá trong thời gian không quá 90 ngày tính đến thời điểm báo giá (nếu có);

- Tài liệu khác.

Đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm báo giá./.

Nơi nhận:

- Công TT đơn vị;

- Lưu: VT, KD, HSĐT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Mạnh

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế Lạng Giang

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế Lạng Giang, chúng tôi.... [*ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh*] báo giá cho các loại hoá chất như sau:

1. Hoá chất xét nghiệm đề nghị báo giá như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất, Xuất xứ	Mã HS	Năm SX	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí hco các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1.											
2.											
Tổng giá trị thành tiền											
Bằng chữ:											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: **100 ngày**, kể từ ngày báo giá.

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng..... năm 20.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))